

Số: 09/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu và vốn thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-BKHĐT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015; Quyết định số 1865/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 148/NQ-HĐND17 ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện dự toán ngân sách năm 2014; dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 150/2014/NQ-HĐND17 ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển kế hoạch năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 513/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tại Tờ trình số 04/TTr-BCĐ ngày 09/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu và vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015 tỉnh Bắc Ninh cho các ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quản lý chương trình mục tiêu có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng mục tiêu, quản lý việc sử dụng kinh phí và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí triển khai thực hiện lồng ghép với các nguồn vốn chương trình, đề án khác của cơ quan đơn vị để thực hiện Chương trình có hiệu quả; có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh; Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, các cơ quan quản lý Chương trình, cơ quan sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, CA, LĐT B&XH, YT, GD&ĐT, VH TT&DL, NN&PTNT, TN&MT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX, KTTH, LĐVP.

**TM. UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Tử Quỳnh

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2015 TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015							Ghi chú
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			
			Tổng số	Vốn NSTW	NS tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW	NS tỉnh	
	TỔNG SỐ	113,037	68,000	46,000	22,000	45,037	28,320	16,717	
1	Chương trình Việc làm và dạy nghề	13,150	6,500	1,500	5,000	6,650	2,000	4,650	
2	Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	17,360	16,500	9,500	7,000	860	860		
3	Chương trình Y tế	13,026	6,000	2,000	4,000	7,026	3,301	3,725	
4	Chương trình Dân số và Kế hoạch hoá gia đình	5,152	-			5,152	4,252	900	
5	Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm	1,291	-			1,291	693	598	
6	Chương trình Văn hoá	8,790	7,000	3,000	4,000	1,790	790	1,000	
7	Chương trình Giáo dục và Đào tạo	12,300	-			12,300	9,300	3,000	
8	Chương trình Phòng, chống ma tuý	3,070	-			3,070	1,570	1,500	

9	Chương trình Phòng, chống tội phạm	730	-			730	230	500	
10	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	4,500	-			4,500	4,500		
11	Chương trình Phòng, chống HIV/AIDS	1,668	-			1,668	824	844	
12	Chương trình Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	30,000	30,000	30,000		-			
13	Chương trình trồng và bảo vệ, phát triển rừng	2,000	2,000		2,000	-			

Biểu 1: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2015

Giao: Sở Lao động - Thương Binh và XH quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

ST T	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NS TW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Hỗ trợ đầu tư cho các trường công lập có nghề trong trọng điểm theo QĐ số 854/QĐ-LĐT BXH của BLĐTB.		số cơ sở	1	-			1	1		
2	Hỗ trợ LĐNT học nghề, hoàn thiện mô hình thí điểm dạy nghề cho LĐNT, thí điểm mô hình học nghề gắn với việc làm cho người khuyết tật.		Lượt nghề	6,000	-			6,000		6,000	

3	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg.	Cơ sở	3	3		3	-			
4	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã.giáo viên DN	Lượt người	500	-			500		500	
5	Tạo việc làm cho lao động nông thôn thông qua các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm.	Người	1,800	-			1,800	1,800		
6	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ tiền học phí, ăn ở, đi lại và làm các thủ tục xuất cảnh.	Người	120	-			120	120		
7	Số Trung tâm giới thiệu việc làm được hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực cho Trung tâm giới thiệu việc làm.	Trung tâm	1	-			1	1		
8	Số Trung tâm giới thiệu việc làm được hỗ trợ để tổ chức sàn giao dịch việc làm.	Trung tâm	1				1	1		

II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Tr.đ	13,150	6,500	1,500	5,000	6,650	2,000	4,650	
1	Dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng		Tr.đ	350	-			350	350		
2	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động		Tr.đ	1,990	1,500	1,500	-	490	490	-	
	- Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch Việc Làm	<i>Trung tâm GTVL tỉnh Bắc Ninh</i>	Tr.đ	1,700	1,500	1,500		200	200		
	- Hỗ trợ thu thập cơ sở dữ liệu, điều tra cung lao động	<i>Sở Lao động TB&XH</i>	Tr.đ	290	-			290	290		
3	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và đánh giá giám sát thực hiện chương trình		Tr.đ	160	-			160	160		
4	Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề		Tr.đ	3,000	2,000		2,000	1,000	1,000	-	
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cơ sở đào tạo		Tr.đ	3,000	2,000	-	2,000	1,000	1,000		
	- DA Trường CĐ KT-KT Bắc Ninh		Tr.đ	3,000	2,000	-	2,000	1,000	1,000	-	
5	Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn			7,650	3,000	-	3,000	4,650	-	4,650	

	- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất dạy nghề		Tr.đ	3,000	3,000		3,000	-		
	+ Trung tâm dạy nghề Yên Phong			1,000	1,000		1,000			
	+ Trung tâm giới thiệu Việc làm Thanh Niên			500	500		500			
	+ DA Trường TC Nghề thủ công mỹ nghệ huyện Thuận Thành			1,500	1,500		1,500			
	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó:		Tr.đ	3,000	-			3,000		3,000
	+ Sở Lao động-TB&XH		Tr.đ	2,000				2,000		2,000
	+ Sở Nông nghiệp và PTNT		Tr.đ	1,000				1,000		1,000
	- Đào tạo nghề cho người tàn tật	TT Phục hồi chức năng-Sở LĐTB&XH		900				900		900
	- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề.	Sở Lao động TB&XH	Tr.đ	350	-			350		350
	- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã	Sở Nội vụ	Tr.đ	400				400		400

Biểu 2: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QG NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN NĂM 2015

Giao: Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	Sở NN& PTNT	%	98							
2	Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh	Sở Y tế	%	80							
3	Tỷ lệ hộ dân nông thôn chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh	Sở NN& PTNT	%	64							

4	Tỷ lệ trạm y tế xã ở nông thôn có đủ nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh	Sở Y tế	%	100							
5	Tủ lô trên các mệm non vụ phá thêng cã ãn nĩ c s'ch vụ nhự ti'au hĩ p vũ sinh	Sở NN&PTNT	%	100							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Triệu đồng	17,360	16,500	9,500	7,000	860	860	-	
1	Dự án cấp nước sạch và môi trường nông thôn		Triệu đồng	16,000	16,000	9,000	7,000	-	-	-	
1.1	<i>Dự án cấp nước xã Tam Giang, huyện Yên Phong</i>		Triệu đồng	3,000	3,000	2,000	1,000	-			
1.2	<i>Dự án cấp nước cụm xã Đại Lai-Xuân Lai, huyện Gia Bình</i>		Triệu đồng	11,000	11,000	6,000	5,000	-			
1.3	<i>Dự án cấp nước xã Khúc Xuyên, tp. Bắc Ninh</i>		Triệu đồng	1,000	1,000	500	500	-			
1.4	<i>Cải tạo, sửa chữa nâng cấp khu xử lý trạm cấp nước thôn Trà Lâm-Xuân Quan, xã Trí Quả, h. Thuận Thành</i>		Triệu đồng	1,000	1,000	500	500	-			

2	Dự án vệ sinh nông thôn		Triệu đồng	500	500	500	-	-	-	-
2.1	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình</i>	<i>TT YTDP-Sở Y tế</i>	<i>Triệu đồng</i>	500	500	500				
3	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	TT NS&VSMTNT-Sở NN&PTNT	Triệu đồng	860	-	-	-	860	860	-
3.1	<i>Tuyên truyền, quảng cáo, tập huấn nghiệp vụ, đào tạo</i>	<i>TT NS&VSMTNT-Sở NN&PTNT</i>	<i>Triệu đồng</i>	-					300	
3.2	<i>Chi thực hiện hệ thống giám sát, đánh giá chương trình nước sạch VSMTNT</i>	<i>TT NS&VSMTNT-Sở NN&PTNT</i>	<i>Triệu đồng</i>	-					560	

Biểu 3: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA Y TẾ NĂM 2015

Giao: Sở Y tế quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015					
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NS TW	
I	Chỉ tiêu thực hiện									
1	Dự án phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng									
a	Phòng, chống bệnh phong	BV Phong - DL								
	-Tỷ lệ lưu hành 1/10.000 dân			0.1						
	-Tỷ lệ phát hiện 1/100.000 dân			0.1						

b	Phòng, chống bệnh lao	BV Lao và BP											
	- Phát hiện bệnh nhân các thể		bệnh nhân	785									
	- AFB (+) mới		bệnh nhân	299									
	- Tỷ lệ điều trị khỏi		%	>85									
c	Phòng, chống bệnh sốt rét	TTYTD P tỉnh											
	- Tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét/1.000 dân số chung			0.2									
	- Số lượt điều trị		lượt	1,500									
	- Số lam xét nghiệm		lam	3,000									
d	Phòng, chống bệnh sốt xuất huyết	TTYTD P tỉnh											
	- Tỷ lệ mắc/100.000 dân			3.25									
e	Phòng, chống bệnh ung thư	BVĐK tỉnh											

	- Tỷ lệ cán bộ y tế chuyên khoa ung thư được tham gia đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ.		%	50							
f	Tăng huyết áp	TTYTD P tỉnh									
	-Tỷ lệ cán bộ y tế được đào tạo về biện pháp dự phòng, phát hiện sớm, điều trị và quản lý THA		%	100							
	- Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp tuyến xã		xã	18							
g	Đái tháo đường	TTYTDP tỉnh									
	- 2 đến 3% phường/xã thụ hưởng sàng lọc hoặc số người có yếu tố nguy cơ sàng lọc.										
	+ Số xã/phường/thị trấn		xã/phường/t hị trấn	1							

	<i>- Đào tạo số cán bộ tham gia công tác phát hiện sớm tiền đái tháo đường và đái tháo đường.</i>		%	60							
h	Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em	BV Tâm thần									
	<i>- Số bệnh nhân mới phát hiện</i>										
	<i>Động kinh</i>		bệnh nhân	75							
	<i>- Số bệnh nhân ổn định.</i>										
	<i>Động kinh</i>		bệnh nhân	64							
i	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	B/DK tính và các đơn vị									
	<i>- Tỷ lệ bác sỹ, kỹ thuật viên tham gia dự án được đào tạo.</i>		%	100							
	<i>- Tỷ lệ đơn thuốc điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen tại các phòng quản lý kê đúng mức độ nặng.</i>		%	50							

	- Triển khai phòng quản lý bệnh PTNMT và HPQ mới		Phòng	4							
2	Dự án Tiêm chủng mở rộng	DP tỉnh TTYT									
	- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vaccin cho trẻ dưới 1 tuổi		%	95							
	- Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi mũi 2		%	95							
	- Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai		%	90							
3	Dự án CSSKSS và Cải thiện TTDDTE	TTYTD P tỉnh và TTCSS KSS									
3.1	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	TTYTD P tỉnh và TTCSS KSS									
	- Tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ.		%	99							
	- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ.		%	99.5							

	- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh		%	95							
	- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi		‰	13							
	- Số điểm cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên được duy trì.		điểm	2							
3.2	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	TTYYTD P tình và TTCSS KSS									
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi.		%	10.8							
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi.		%	25.8							
4	Quân dân y kết hợp	VPS Y tế									
	- Tỷ lệ các đơn vị dự bị động viên, đội cơ động sẵn sàng cơ động		%	80							

	- Thành viên Ban quân dân y được tập huấn chuyên môn		%	85							
5	Nâng cao năng lực, truyền thông giám sát, đánh giá thực hiện	VPS Y tế và các đơn vị									
	- Tỷ lệ các huyện được giám sát theo kế hoạch		%	90							
	- Tỷ lệ các hình thức truyền thông (trực tiếp, gián tiếp) được thực hiện ít nhất 12 lần		%	30							
	- Tỷ lệ học sinh, giáo viên được tiếp cận thông tin truyền thông về các bệnh truyền nhiễm, công tác phòng chống dịch trong trường học, phòng chống bệnh ở trẻ nhỏ		%	70							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình			13,026	6,000	2,000	4,000	7,026	3,301	3,725	
1	Dự án phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng			3,879				3,879	1,839	2,040	

<i>a</i>	<i>Phòng, chống bệnh phong</i>	<i>BVP-DL</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>91</i>				<i>91</i>	<i>91</i>		
<i>b</i>	<i>Phòng, chống bệnh lao</i>	<i>BVL và BP</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1,171</i>				<i>1,171</i>	<i>401</i>	<i>770</i>	
<i>c</i>	<i>Phòng, chống bệnh sốt rét</i>	<i>TTYTDPT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>127</i>				<i>127</i>	<i>127</i>		
<i>d</i>	<i>Phòng, chống bệnh sốt xuất huyết</i>	<i>TTYTDPT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>310</i>				<i>310</i>	<i>310</i>		
<i>e</i>	<i>Phòng, chống bệnh ung thư</i>	<i>BVĐKT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>250</i>				<i>250</i>	<i>250</i>		
<i>f</i>	<i>Tăng huyết áp</i>	<i>TTYTDPT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>160</i>				<i>160</i>	<i>160</i>		
<i>g</i>	<i>Đái tháo đường</i>	<i>TTYTDPT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>100</i>				<i>100</i>	<i>100</i>		
<i>h</i>	<i>Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em</i>	<i>BVTT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1,270</i>				<i>1,270</i>	<i>300</i>	<i>970</i>	
<i>i</i>	<i>Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản</i>	<i>BVĐKT và các đơn vị</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>400</i>				<i>400</i>	<i>100</i>	<i>300</i>	
<i>2</i>	<i>Dự án Tiêm chủng mở rộng</i>	<i>TTYTDPT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1,125</i>				<i>1,125</i>	<i>475</i>	<i>650</i>	
<i>3</i>	<i>CSSK SS và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em</i>	<i>TTYTDPT, TTCSSKSS</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1,822</i>				<i>1,822</i>	<i>787</i>	<i>1,035</i>	

<i>a</i>	<i>Chăm sóc sức khỏe sinh sản</i>	<i>TTCSSKSS</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>330</i>				<i>330</i>	<i>330</i>		
<i>b</i>	<i>Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em</i>	<i>TTYTDP, TTCSSKSS</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1,492</i>				<i>1492</i>	<i>457</i>	<i>1,035</i>	
	<i>Trong đó: TTYTDP</i>			<i>253</i>				<i>253</i>			
	<i>TTCSSKSS</i>			<i>1,239</i>				<i>204</i>		<i>1,035</i>	
<i>4</i>	<i>Dự án Quân dân y kết hợp</i>	<i>VPS</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>20</i>				<i>20</i>	<i>20</i>		
<i>5</i>	<i>Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát và đánh giá thực hiện chương trình</i>	<i>VPS và các đơn vị</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>180</i>				<i>180</i>	<i>180</i>		
<i>6</i>	<i>Dự án nâng cao năng lực cơ sở vật chất</i>		<i>tr.đồng</i>	<i>6,000</i>	<i>6,000</i>	<i>2,000</i>	<i>4,000</i>				
	<i>- DA Bệnh viện Phong - Da liễu</i>		<i>tr.đồng</i>	<i>2,680</i>	<i>2,680</i>	<i>680</i>	<i>2,000</i>				
	<i>- DA Trung tâm y tế dự phòng</i>		<i>tr.đồng</i>	<i>600</i>	<i>600</i>	<i>600</i>					
	<i>- DA Trung tâm CSSKSS</i>		<i>tr.đồng</i>	<i>720</i>	<i>720</i>	<i>720</i>					
	<i>- DA Trung tâm Kiểm nghiệm</i>		<i>tr.đồng</i>	<i>2,000</i>	<i>2,000</i>		<i>2,000</i>				

Biểu 5: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2014

Giao: Sở Y tế quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

ST T	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NST W		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về VSATTP.		%	75							
2	Tỷ lệ người Lãnh đạo quản lý hiểu đúng và thực hành đúng về ATTP		%	90							
3	Tỷ lệ ca ngộ độc/100000 dân trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo		ca	<7							

4	Kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản về an toàn thực phẩm.		%	70							
5	Kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản về an toàn thực phẩm.		%	80							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Tr. đồng	1,291	-	-	-	1,291	693	598	
1	- Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP	CCVS ATTP	tr.đồng	601	-			601	143	458	
2	- Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng VSATTP	CCVS ATTP	tr.đồng	220	-			220	160	60	
3	- Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng VSATTP	CCVS ATTP	tr.đồng	70	-			70	70		
4	- Dự án phòng chống ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm	CCVS ATTP	tr.đồng	260	-			260	180	80	
5	Dự án Đảm bảo VSATTP trong sản xuất nông, lâm TS	SNN và PTNT	tr.đồng	140	-			140	140		

Biểu 6: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VĂN HÓA NĂM 2015

Giao: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015					
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NS TW	
I	Chỉ tiêu thực hiện									
1	Đầu tư tu bổ tôn tạo các di tích		di tích	2						
2	Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích`		di tích	3						
3	Sưu tầm văn hóa phi vật thể		dự án	2						
4	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn (Trang thiết bị chuyên môn)		Nhà VH	2						
	- <i>Cấp thôn</i>		<i>Nhà VH</i>	2						

5	Hỗ trợ trang thiết bị Trung tâm Văn hóa			16							
	- Cấp huyện		TT VH	2							
	- Cấp xã		TT VH	10							
	- Cấp thôn		Nhà VH	4							
6	Thiết bị đội TTLĐ		đội	2							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		triệu đồng	8,790	7,000	3,000	4,000	1,790	790	1,000	
1	Dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích		triệu đồng	7,500	7,000	3,000	4,000	500	500	-	
1.1	Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích		triệu đồng	7,000	7,000	3,000	4,000		-	-	
	- Dự án Lăng và Đền thờ Kinh Dương vương		Triệu đồng	2,000	2,000	1,000	1,000		-		
	- Dự án Chùa Bút Tháp		Triệu đồng	5,000	5,000	2,000	3,000		-		
1.2	Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích		triệu đồng	500				500	500		

	- Chùa Thanh Lãng, phường Vạn An, Bắc Ninh		Triệu đồng	150				150	150		
	- Đình làng Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, Bắc Ninh		Triệu đồng	200				200	200		
	- Đình Tây, thôn Gia Phú, xã Bình Dương, Huyện Gia Bình		Triệu đồng	150				150	150		
2	Dự án: Suu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể		Triệu đồng	180	-	-	-	180	180	-	
	- Suu tầm một số bài Quan họ cổ của các nghệ nhân Bắc Ninh	Sở VHTTDL	Triệu đồng	61.3	-			61.3	61.3		
	- Quảng bá dân ca Quan họ Bắc Ninh	Sở VHTTDL	Triệu đồng	118.7	-			118.7	119		
3	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế VHTT cơ sở		triệu đồng	1,090	-	-	-	1,090	90	1,000	

	- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn (Trang thiết bị chuyên môn)	Sở VHTTDL	Triệu đồng	300	-			300	90	210	
	- Hỗ trợ trang thiết bị trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện	Sở VHTTDL	Triệu đồng	80	-			80		80	
	Hỗ trợ trang thiết bị trung tâm văn hóa thể thao cấp xã	Sở VHTTDL	Triệu đồng	390	-			390		390	
	- Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa thôn	Sở VHTTDL	Triệu đồng	160	-			160		160	
	- Hỗ trợ trang thiết bị cho Đội TTLĐ huyện	Sở VHTTDL	Triệu đồng	80	-			80		80	
	- Cấp sách cho hệ thống thư viện huyện	Thư viện tỉnh	Triệu đồng	80				80		80	
4	Dự án tăng cường năng lực cán bộ VHCS truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình		Triệu đồng	20	-			20	20		

Biểu 7: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2015

Giao: Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Mua sắm thiết bị đồ chơi ngoài trời	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ	40							
2	Duy trì kết quả phổ cập giáo dục MN trẻ 5 tuổi, TH, THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học		Đơn vị	10							

3	Bồi dưỡng cho giáo viên/giảng viên ngoại ngữ ở trong nước	"	người	232							
4	Xây dựng mô hình trường nông cốt	"	trường	4							
5	Xây dựng nhà điều hành trường CĐSP	"	trường	1							
6	Hoạt động giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án	"	Đơn vị	8							
7	Hỗ trợ cơ sở vật chất trường THPT Chuyên	"	trường	1							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình	"	Triệu đồng	12,300				12,300	9,300	3,000	
1	Dự án hỗ trợ phổ cập mầm non 5, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	"	Triệu đồng	5,820				5,820	4,820	1,000	

1.1	Hỗ trợ xóa mù chữ, chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập Tiểu học, THCS và hỗ trợ phổ cập giáo dục Trung học.	"	Triệu đồng	725				725	725		
	- Phòng GD&ĐT Thành phố Bắc Ninh		Triệu đồng	91				91	91		
	- Phòng GD&ĐT huyện Gia Bình		Triệu đồng	66				66	66		
	- Phòng GD&ĐT huyện Lương Tài		Triệu đồng	66				66	66		
	- Phòng GD&ĐT huyện Thuận Thành		Triệu đồng	87				87	87		
	- Phòng GD&ĐT huyện Quế Võ		Triệu đồng	101				101	101		
	- Phòng GD&ĐT huyện Tiên Du		Triệu đồng	66				66	66		
	- Phòng GD&ĐT huyện Từ Sơn		Triệu đồng	63				63	63		
	- Phòng GD&ĐT huyện Yên Phong		Triệu đồng	70				70	70		

	- Văn phòng Sở GD&ĐT		Triệu đồng	105				105	105		
	- Hội người mù tỉnh Bắc Ninh		Triệu đồng	10				10	10		
1.2	Mua sắm 40 bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời trang bị cho 40 trường mầm non thuộc huyện, thị xã, thành phố	"	Triệu đồng	5,095				5,095	4,095	1,000	
2	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	"	Triệu đồng	1,460				1,460	1,460		
2.1	Bồi dưỡng cho giáo viên/giảng viên ngoại ngữ ở trong nước và nước ngoài (nếu có)	"	Triệu đồng					500	500		
2.2	Hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ cho 4 trường xây dựng mô hình trường nông cốt: TH Suối Hoa, THCS Suối Hoa, THPT Hàn Thuyên, Trường CĐSP)	"	Triệu đồng					960	960		

3	Dự án hỗ trợ cơ sở vật chất trường Chuyên, trường Cao đẳng sư phạm	"	Triệu đồng	4,910				4,910	2,910	2,000	
3.1	Hỗ trợ cơ sở vật chất trường Chuyên	"	Triệu đồng	2,400				2,400	2,000	400	
	<i>Mua sắm thiết bị dạy học trường THPT Chuyên</i>	"	<i>Triệu đồng</i>	<i>1,800</i>				<i>1,800</i>	<i>1,800</i>		
	<i>Cải tạo sửa chữa nhà lớp học trường THPT Chuyên</i>	"	<i>Triệu đồng</i>	<i>600</i>				<i>600</i>	<i>200</i>	<i>400</i>	
3.2	Hỗ trợ cơ sở vật chất trường CĐSP	"	Triệu đồng	2,510				2,510	910	1,600	
	<i>Xây dựng nhà điều hành trường CĐSP</i>	"	<i>Triệu đồng</i>	<i>2,510</i>				<i>2,510</i>	<i>910</i>	<i>1,600</i>	
4	Dự án nâng cao năng lực cán bộ quản lý chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	"	Triệu đồng	110				110	110		

Biểu 8: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ NĂM 2015

Giao: Công an tỉnh quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Công tác cai nghiện ma túy										
	<i>Tỷ lệ người nghiện giảm</i>		%	2							
	<i>Tỷ lệ người nghiện có hồ sơ quản lý</i>		%	100							
2	Tỷ lệ người nghiện đưa về cai tại gia đình, cộng đồng		%	15							

3	Tỷ lệ người nghiện cai nghiện tại cơ sở tập trung		%	40							
4	Tỷ lệ số vụ bắt giữ tội phạm ma túy tăng so với năm 2014		%	10							
5	Xây dựng xã, P, TT ko tệ nạn MT		%	15.8							
6	Xã, P, TT có tệ nạn ma túy giảm so với năm 2014		Xã, phường, thị trấn	5							
7	Xã, P,TT trọng điểm MT được xử lý		%	100							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Tr.đ	3,070				3,070	1,570	1,500	
<i>1</i>	Xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy	Công an tỉnh và các cơ quan	triệu đồng	2,480				2,480	1,250	1,230	
1.1	Cơ quan thường trực chỉ đạo, theo dõi (Công an tỉnh)		Tr. đ	300				300	150	150	

1.2	Hỗ trợ 7 xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy (mỗi địa phương 10.000.000đ). Gồm:	Tr. đ	70					70	70		
	+ TP Bắc Ninh: Tiên An	Tr. đ	10					10	10		
	+ TX Từ Sơn: Đình Bảng	Tr. đ	10					10	10		
	+ Huyện Gia Bình: TT Gia Bình	Tr. đ	10					10	10		
	+ Huyện Quế Võ: Phượng Mao.	Tr. đ	10					10	10		
	+ Huyện Tiên Du: Hoàn Sơn.	Tr. đ	10					10	10		
	+ Huyện Yên Phong: Đông Tiễn.	Tr. đ	10					10	10		
	+ Huyện Thuận Thành: Trí Quả.	Tr. đ	10					10	10		
1.3	Hỗ trợ lực lượng Công an đấu tranh triệt xóa các điểm mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại xã, phường, thị trấn.	Tr. đ	2,110					2,110	1,030	1,080	

	<i>Công an tỉnh</i>		<i>Tr. đ</i>	1,440				1,440	600	840	
	<i>Công an TP Bắc Ninh</i>		<i>Tr. đ</i>	110				110	70	40	
	<i>Công an TX Từ Sơn</i>		<i>Tr. đ</i>	110				110	70	40	
	<i>Công an huyện Gia Bình</i>		<i>Tr. đ</i>	90				90	60	30	
	<i>Công an huyện Yên Phong</i>		<i>Tr. đ</i>	80				80	50	30	
	<i>Công an huyện Quế Võ</i>		<i>Tr. đ</i>	80				80	50	30	
	<i>Công an huyện Tiên Du</i>		<i>Tr. đ</i>	80				80	50	30	
	<i>Công an huyện Lương Tài</i>		<i>Tr. đ</i>	60				60	40	20	
	<i>Công an huyện Thuận Thành</i>		<i>Tr. đ</i>	60				60	40	20	

2	Dự án 5: Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy	Công an tỉnh và các cơ quan	triệu đồng	100				100	100		
a	Quản lý cai nghiện (Sở LĐ, TB&XH)		Tr. đ	100				100	100		
3	Dự án Thông tin truyền truyền phòng, chống ma túy và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	Công an tỉnh và các cơ quan	triệu đồng	490				490	220	270	
3.1	Cơ quan Công an		Tr. đ	200				200	100	100	
3.2	Các cơ quan, đoàn thể		Tr. đ	290				290	120	170	
a	<i>Sở Giáo dục</i>		<i>Tr. đ</i>	<i>20</i>				<i>20</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	

<i>b</i>	<i>Bộ chỉ huy quân sự tỉnh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>c</i>	<i>Sở Công thương</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>d</i>	<i>UBMT Tổ quốc tỉnh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>e</i>	<i>Tỉnh Đoàn</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>f</i>	<i>Hội LH Phụ nữ tỉnh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>g</i>	<i>Hội Nông dân</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>h</i>	<i>Hội Cựu chiến binh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>i</i>	<i>Liên đoàn lao động</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>j</i>	<i>Báo Bắc Ninh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>k</i>	<i>Đài PTTH Bắc Ninh</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>l</i>	<i>Sở Thông tin Truyền thông</i>		<i>Tr. đ</i>	20				20	10	10	
<i>m</i>	<i>Sở Lao động, TB và XH</i>		<i>Tr. đ</i>	50				50		50	

Biểu 9: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM NĂM 2015

Giao: Công an tỉnh quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án về TTXH.		%	75							
2	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ trọng án		%	95							
3	Tỷ lệ truy bắt, vận động đối tượng truy nã hiện có.		%	>50							

II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Triệu đồng	730				730	230	500	
1	Dự án tăng cường công tác giáo dục, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Công an tỉnh và các cơ quan	triệu đồng	580				580	160	420	
1.1	Công an		Tr.đ	520	-			520	130	390	
<i>a</i>	<i>Công an tỉnh</i>		<i>Tr.đ</i>	380				380	80	300	
<i>b</i>	<i>Công an TP Bắc Ninh</i>		<i>Tr.đ</i>	25				25	10	15	
<i>c</i>	<i>Công an TX Từ Sơn</i>		<i>Tr.đ</i>	25				25	10	15	
<i>d</i>	<i>Công an huyện Tiên Du</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	
<i>e</i>	<i>Công an huyện Yên Phong</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	
<i>f</i>	<i>Công an huyện Quế Võ</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	

<i>g</i>	<i>Công an huyện Lương Tài</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	
<i>h</i>	<i>Công an huyện Thuận Thành</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	
<i>i</i>	<i>Công an huyện Gia Bình</i>		<i>Tr.đ</i>	15				15	5	10	
1.2	Các cơ quan, đoàn thể thực hiện			60	-			60	30	30	
<i>a</i>	<i>UBMT Tổ quốc tỉnh</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
<i>b</i>	<i>Tỉnh Đoàn</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
<i>c</i>	<i>Hội LH Phụ nữ tỉnh</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
<i>d</i>	<i>Hội Nông dân</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
<i>e</i>	<i>Hội Cựu chiến binh</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
<i>f</i>	<i>Liên đoàn lao động</i>		<i>Tr.đ</i>	10				10	5	5	
2	Giám sát, đánh giá thực hiện chương trình (Cơ quan thường trực - Công an tỉnh)		Tr.đ	150				150	70	80	

Biểu 10: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2015

Giao: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh quản lý, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		Triệu đồng	4,500				4,500	4,500	-	
a	Tập huấn tuyên truyền xây dựng NTM	Chi cục PTNT	Tr.đ	1,260				1,260	1,260		
b	Hoạt động của BCD tỉnh và chi khác	Chi cục PTNT	Tr.đ	600				600	600		
c	Hoạt động của BCD và chi khác cấp huyện (mỗi huyện, thị xã 80 triệu đồng)	Phòng NN các huyện, Phòng Kinh tế TX, TP	Tr.đ	640				640	640		
d	Đầu tư hệ thống thông tin quản lý Chương trình NTM	Chi cục PTNT	Tr.đ	2,000				2,000	2,000		

Biểu 11: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS NĂM 2015

Giao: Sở Y tế quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NS TW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NS TW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Tỷ lệ các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện tổ chức truyền thông phòng, chống HIV/AIDS theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Y tế	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	%	60							
2	Tỷ lệ cán bộ y tế xã, phường và thôn bản được tập huấn về phòng, chống HIV/AIDS		%	50							

3	Tỷ lệ xã tổ chức mô hình truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS	%	60						
4	Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trở lên có tổ chức hoạt động truyền thông PC HIV/AIDS	%	30						
5	Tỷ lệ người nghiện chích ma túy sử dụng bơm kim tiêm sạch	%	90						
6	Tỷ lệ người bán dâm sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục	%	90						
8	Số mẫu giám sát phát hiện	Mẫu	3,000						
9	Tỷ lệ người lớn nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị bằng thuốc ARV được tiếp cận với dịch vụ điều trị bằng thuốc ARV.	%	70%						
10	Tỷ lệ trẻ nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị được tiếp cận với dịch vụ điều trị bằng thuốc ARV.	%	70%						
11	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tư vấn chấp thuận xét nghiệm HIV	%	55						

12	Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV.		%	90						
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình	<i>Trung tâm phòng chống HIV/AIDS</i>		1,668	-			1,668	824	844
1	Dự án: Thông tin GD và Truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS		triệu	918			918	158	760	
2	Dự án: Giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV		triệu	645			645	561	84	
3	Dự án: Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con		triệu	105			105	105		

**Biểu 12: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KHẮC PHỤC Ô NHIỄM VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG
NĂM 2015**

Giao: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quản lý, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NS TW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Số lượng các làng nghề gây ô nhiễm môi trường được cải thiện và phục hồi môi trường	UBND Tp.Bắc Ninh	Làng	1							
II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		triệu đồng	30,000	30,000	30,000	-	-	-	-	
1	Dự án xử lý nước thải tập trung môi trường làng nghề Phong Khê	UBND thành phố Bắc Ninh	triệu đồng	30,000	30,000	30,000		-			

Biểu 13: CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRỒNG VÀ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2015

Giao: Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Kèm theo Quyết định số:09/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mục tiêu và hoạt động của chương trình MTQG	Đơn vị quản lý, thực hiện	ĐVT	Năm 2015						Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2015	Dự toán năm 2015						
					Vốn đầu tư phát triển			Vốn sự nghiệp			
					Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Tổng số	Vốn NSTW		Vốn NS Tỉnh
I	Chỉ tiêu thực hiện										
1	Trồng rừng		ha								
+	Trồng rừng bước 1		ha	5,7							
2	Diện tích rừng chăm sóc rừng		ha	69,15							
3	Diện tích rừng bảo vệ		ha	446							

II	Tổng kinh phí thực hiện chương trình		triệu đồng	2,000	2,000	-	2,000	-	-	-
1	Lâm sinh	Ban quản lý rừng-Chi cục kiểm lâm Bắc Ninh (trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT)	trđ	2,000	2,000		2,000			
a	Trồng rừng		trđ	745	745		745			
	<i>- Trồng rừng bước 1</i>		<i>trđ</i>	745	745		745			
b	Diện tích rừng chăm sóc rừng		trđ	1,166	1,166		1,166			
c	Diện tích rừng bảo vệ		trđ	89	89		89			